



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Tầng 3, Nhà B1, 94 Nguyễn Khánh Toàn
P. Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (844) 37 674 281 / 282
Fax: (844) 37 674 283
www.vietcpa.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Địa chỉ: Số 164 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tel: 04 3565 1528

Fax: 04 3852 2622

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6 - 7
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	8 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần ACC - 244 trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2013.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ Phần ACC - 244 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng 244 trực thuộc Cục Hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ACC - 244, trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 04 3565 1528

Fax : 04 3852 2622

Mã số thuế : 0104598666

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND (bằng chữ: Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng);

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.940.862 cổ phần

Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần.

Danh sách cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với các cá nhân	Số cổ phần
I	Đại diện phần vốn góp Nhà nước tại Công ty Cổ phần ACC - 244		
1	Phan Duy Linh	TT Xí nghiệp Xây dựng 244, quân chủng Phòng không – Không quân, phố Lê Trọng Tấn, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.	796.446
2	Nguyễn Quốc Doanh	Số 80, dãy A, Lô TT8, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.	597.208
4	Nguyễn Thị Vinh	Nhà số 9, ngõ 235, tổ 21 phố Nguyễn Ngọc Nại, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội.	597.208
II	Các cổ đông khác		950.000

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Khai thác cát, sỏi;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước;
- Xử lý nước thải;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng./.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho năm tài chính 2013 và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Duy Lĩnh

Ông Nguyễn Quốc Doanh

Chức vụ

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ông Nguyễn Công Nguyên

Ủy Viên

Ông Nguyễn Đức Sinh

Ủy Viên

Bà Nguyễn Thị Vinh

Ủy Viên

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc

Chức vụ

Ông Phan Duy Linh

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Sinh

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Công Nguyên

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Doanh

Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt (VIETCPA).

Địa chỉ: Phòng 101, Tầng 3, Nhà B1, Đơn nguyên 17, Số 94 Nguyễn Khánh Toàn, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 6 2733 599/ (04) 3 7674 281/82

Fax: (04) 3 7674 283

Mã số thuế: 0 1 0 2 1 3 8 1 5 9

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải :

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244



Phan Duy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2014

Số: 07 /2014/TC1- VIETCPA

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013
của Công ty Cổ Phần ACC - 244

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần ACC - 244

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Việt đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ Phần ACC - 244 (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính này và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán.

- Công ty đã thực hiện quy chế giao khoán cho các xí nghiệp, đối đối với các công trình xây lắp. Do vậy công nợ phải trả nhà cung cấp chi tiết cho từng đối tượng do kế toán cấp xí nghiệp, đối theo dõi, hạch toán theo quy định quy trình "Hạch toán kế toán, quản lý và theo dõi chi tiết công nợ phải trả người bán" do công ty ban hành. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục này cũng không cung cấp cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đưa ra ý kiến về khoản mục nêu trên được theo dõi trên tài khoản phải trả, phải nộp khác và đánh giá ảnh hưởng của khoản mục này tới các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty;

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần ACC - 244 cho năm tài chính 2013:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2013; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ Phần ACC - 244 giữ 05 (năm) bản, Công ty TNHH Kiểm toán Việt giữ 01 (một) bản.



Nguyễn Thái Hồng

Tổng Giám đốc

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1115 - 2013 - 138 - 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT

Nguyễn Thị Diệu Linh

Kiểm toán viên

Giấy Chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0920 - 2013 - 138 - 1

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		189.707.138.733	172.003.293.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		22.713.802.380	28.077.251.707
1. Tiền	111	V.01	22.713.802.380	28.077.251.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.713.171.987	72.723.677.446
1. Phải thu khách hàng	131	VIII.3.1	84.001.689.392	72.224.696.405
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	711.482.595	498.981.041
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		77.112.038.488	63.389.898.382
1. Hàng tồn kho	141	V.03	77.112.038.488	63.389.898.382
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.168.125.878	7.812.466.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		94.500.000	116.556.450
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.3.2	5.073.625.878	7.695.909.668
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.129.136.449	8.303.465.440
II. Tài sản cố định	220		5.999.425.067	8.287.441.662
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.04	5.999.425.067	8.284.046.986
- Nguyên giá	222		14.468.300.768	16.450.384.450
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.468.875.701)	(8.166.337.464)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.05	-	3.394.676
- Nguyên giá	228		-	15.276.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(11.881.324)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		129.711.382	16.023.778
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	129.711.382	16.023.778
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.836.275.182	180.306.759.093

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		160.880.786.614	147.881.993.769
I. Nợ ngắn hạn	310		160.880.786.614	143.664.216.445
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.07	3.500.000.000	8.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.3.3	76.996.351.195	58.212.634.511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	855.072.424	1.809.899.198
5. Phải trả người lao động	315		553.150.000	518.550.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.09	78.366.711.570	73.929.574.906
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		609.501.425	693.557.830
II. Nợ dài hạn	330		-	4.217.777.324
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	-	4.217.777.324
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.955.488.568	32.424.765.324
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	34.955.488.568	32.424.765.324
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.408.620.000	29.408.620.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.301.219.906	1.301.219.906
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		418.142.541	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.432.872.480	1.014.729.939
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.394.633.641	700.195.479
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.836.275.182	180.306.759.093

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Người lập biên

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Hạnh

Nguyễn Thị Vinh



Phan Duy Linh

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12	331.561.457.488	302.867.429.083
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.380.573.366	299.565.398
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.13	330.180.884.122	302.567.863.685
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	312.027.416.566	283.777.548.954
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.153.467.556	18.790.314.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	122.259.920	167.424.813
7. Chi phí tài chính	22	VI.16	42.458.958	161.400.279
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		42.458.958	161.400.279
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.3.4	7.906.661.017	8.725.004.380
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.326.607.501	10.071.334.885
11. Thu nhập khác	31	VIII.3.5	208.352.126	228.633.340
12. Chi phí khác	32	VIII.3.6	12.500.000	82.062.138
13. Lợi nhuận khác	40		195.852.126	146.571.202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.522.459.627	10.217.906.087
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.17	1.967.647.908	2.787.907.173
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.554.811.719	7.429.998.914
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	90	VI.19	2.909	2.526

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Vinh

Phan Duy Linh



Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		366.019.378.332	297.440.829.444
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(349.849.178.465)	(267.828.518.971)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(3.019.364.469)	(1.968.471.684)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(733.899.998)	(1.372.513.887)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(1.906.550.479)	(2.803.119.141)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		5.624.870.058	5.270.453.903
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(12.369.196.226)	(16.586.032.589)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.766.058.753	12.152.627.075
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ & các TS dài hạn khác	21		-	(5.114.484.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, NB TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		89.100.000	50.076.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		122.259.920	167.424.813
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		211.359.920	(4.896.983.296)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.500.000.000	10.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.500.000.000)	(7.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.340.868.000)	(4.421.268.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.340.868.000)	(921.268.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(5.363.449.327)	6.334.375.779
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.077.251.707	21.742.875.928
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	22.713.802.380	28.077.251.707

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Tổng Giám đốc



PHAN DUY LĨNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần ACC - 244 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng 244 trực thuộc Cục Hậu cần Không quân. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ACC – 244, trực thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC (nay là Tổng Công ty Xây dựng Công trình Hàng không ACC) theo Quyết định Cổ phần hóa số 3643/QĐ-BQP ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104598666 ngày 16/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở đặt tại: Số 164 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : 04 3565 1528

Fax : 04 3852 2622

Mã số thuế : 0 1 0 4 5 9 8 6 6 6

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì vốn điều lệ của Công ty là 29.408.620.000 VND (Hai mươi chín tỷ, bốn trăm linh tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng);

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng
- Số cổ phần đã đăng ký mua: 2.940.862 cổ phần

Vốn điều lệ được hình thành trên cơ sở đóng góp cổ phần.

2. Lĩnh vực hoạt động

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần lần đầu số 0104598666 ngày 16/04/2010 thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá;
- Khai thác cát, sỏi;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước;
- Xử lý nước thải;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng./.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày các thông tin và thuyết minh

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Công ty đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***Mẫu số B 09 - DN****IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2013 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định" và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định".

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị quyết toán công trình hoàn thành bàn giao (không bao gồm thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

05 - 50

Máy móc, thiết bị

05 - 10

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

06 - 10

Thiết bị dụng cụ quản lý

03 - 06

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***Mẫu số B 09 - DN****4. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 – Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định” và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Phần mềm máy vi tính

03

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận và chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh ;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Lợi thế kinh doanh từ việc cổ phần hóa được phân bổ đều trong hai năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ các quỹ, từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ hoạt động xây lắp, cho thuê nhà, ki ốt, mặt bằng và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 - "Hợp đồng xây dựng". Ngoài ra, đối với các công trình xây dựng dở dang, doanh thu và chi phí liên quan được xác định tương ứng với các phần công việc (hạng mục) đã hoàn thành có xác nhận của chủ đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch đánh giá lại ngoại tệ.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**10.1 Ghi nhận các khoản phải thu**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế hiện hành.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.3 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh theo từng công trình.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận, tập hợp theo giá trị và khối lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<i>Tiền mặt</i>	<i>83.540.278</i>	<i>187.316.094</i>
VND	83.540.278	187.316.094
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>22.630.262.102</i>	<i>27.889.935.613</i>
VND	22.630.262.102	27.889.935.613
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội</i>	<i>22.630.262.102</i>	<i>27.889.935.613</i>
Tổng cộng	22.713.802.380	28.077.251.707

2 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Lương nghỉ chờ hưu từ T5/2010 chờ quyết toán	-	433.244.617
Thuế TNCN	13.152.350	9.036.424
Bảo hiểm y tế	47.250.000	41.400.000
Phải thu về di dời đất QP tại ngõ 250 Hoàng Văn Thái	572.000.000	-
Phải thu khác	79.080.245	15.300.000
Tổng cộng	711.482.595	498.981.041

3 . Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	<i>9.500.000</i>	<i>9.500.000</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)</i>	<i>77.102.538.488</i>	<i>63.380.398.382</i>
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	77.112.038.488	63.389.898.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

5 . Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
- Số dư ngày 01/01/2013	3.542.410.512	7.024.184.999	1.688.430.571	168.162.727	4.027.195.641	16.450.384.450
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	1.757.003.683	1.757.003.683
- Giảm khác	-	27.236.363	106.830.000	91.013.636	-	225.079.999
- Số dư ngày 31/12/2013	3.542.410.512	6.996.948.636	1.581.600.571	77.149.091	2.270.191.958	14.468.300.768
Giá trị hao mòn lũy kế						
- Số dư ngày 01/01/2013	1.939.517.558	3.586.570.098	419.183.012	111.629.597	2.109.437.199	8.166.337.464
- Khấu hao trong năm	245.119.127	843.576.674	231.033.408	20.847.751	925.604.489	2.266.181.449
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	1.757.003.683	1.757.003.683
- Giảm khác	-	26.479.810	106.830.000	73.329.720	-	206.639.530
- Số dư ngày 31/12/2013	2.184.636.685	4.403.666.962	543.386.420	59.147.628	1.278.038.005	8.468.875.700
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2013	1.602.892.954	3.437.614.901	1.269.247.559	56.533.130	1.917.758.442	8.284.046.986
- Tại ngày 31/12/2013	1.357.773.827	2.593.281.674	1.038.214.151	18.001.463	992.153.953	5.999.425.068

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.047.098.800 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

5 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phân mềm Kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình		
- Số dư ngày 01/01/2013	15.276.000	15.276.000
- Mua trong năm	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	15.276.000	15.276.000
- Số dư ngày 31/12/2013	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
- Số dư ngày 01/01/2013	11.881.324	11.881.324
- Khấu hao trong năm	2.121.665	2.121.665
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	14.002.989	14.002.989
- Số dư ngày 31/12/2013	-	-
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2013	3.394.676	3.394.676
- Tại ngày 31/12/2013	-	-

6 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ dài hạn	129.711.382	16.023.778
Tổng cộng	129.711.382	16.023.778

7 . Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn	3.500.000.000	8.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*)	-	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (**)	-	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (***)	-	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (****)	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (*****)	1.000.000.000	-
Tổng cộng	3.500.000.000	8.500.000.000

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1210700312 ngày 16/04/2012, lãi suất vay 16%/năm, thời hạn vay 9 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên đất tại địa chỉ 164 Lê Trọng Tấn và quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

(**) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1225800523 ngày 14/09/2012, lãi suất vay 16%/năm, thời hạn vay 5 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(***) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1220100630 ngày 19/07/2012, lãi suất vay 16,5%/năm, thời hạn vay 9 tháng. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trên đất tại địa chỉ 164 Lê Trọng Tấn và quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(****) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1329100230 ngày 19/10/2013, lãi suất vay 11,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

(*****) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo kế ước vay LD1311500542 ngày 25/04/2013, lãi suất vay 14%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ Hợp đồng thi công.

8 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Khoản mục	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Đơn vị tính: VND
				31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	1.183.499.054	6.212.664.184	7.161.274.148	234.889.090
Thuế thu nhập DN	545.933.555	2.791.783.606	2.730.686.177	607.030.984
Thuế thu nhập cá nhân	9.036.424	206.944.137	202.828.211	13.152.350
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	71.430.165	3.151.618	74.581.783	-
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	-			-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (**)	1.809.899.198			855.072.424
(*) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư âm (-)				
(**) tổng cộng các chỉ tiêu có số dư dương (+)				

Tại thời điểm kiểm toán Công ty chưa có biên bản quyết toán thuế cho năm tài chính 2013 với Cơ quan Thuế địa phương, quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do vậy việc áp dụng luật và các qui định về Thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

9 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả các công trường (*)	66.644.795.137	65.767.175.792
Đội 2	2.948.348.351	6.605.240.254
Đội 5	1.178.479.352	1.114.869.830
Đội 6 cũ	-	7.115.394.322
Xí nghiệp 41	15.089.599.263	18.385.088.252
Xí nghiệp 42	13.057.085.546	20.447.593.626
Xí nghiệp 43	18.504.490.848	9.243.628.893
Đối tượng khác	15.866.791.777	2.855.360.615
Kinh phí công đoàn	38.629.278	50.169.881
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.683.287.155	8.112.229.233
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC	9.470.307.847	5.919.892.109

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

Chi phí thuê đất	765.417.312	756.664.128
Cổ tức phải trả	1.425.000.000	1.425.000.000
Phải trả khác	22.561.996	10.672.996
Tổng cộng	78.366.711.570	73.929.574.906

(*) Khoản phải trả các công trường là khoản mà các xí nghiệp và các đội của Công ty phải trả cho

10 . Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay dài hạn	-	4.217.777.324
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng Không ACC (*)	-	4.217.777.324
Tổng cộng	-	4.217.777.324

(*) Công ty vay dài hạn theo kế ước vay vốn số 01.06/2011/ACC - 244 ngày 01/06/2011, thời hạn vay 2 năm, lãi suất vay 2,4%/năm.

11 . Vốn chủ sở hữu

11.1 . Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2012	29.408.620.000	329.422.614	438.515.163	30.176.557.777
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	7.307.634.372	7.307.634.372
Tăng khác	-	971.797.292	122.364.542	1.094.161.834
Phân phối cho các quỹ	-	-	(1.851.256.145)	(1.851.256.145)
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Giảm khác	-	-	(905.769.453)	(905.769.453)
Số dư ngày 31/12/2012	29.408.620.000	1.301.219.906	700.195.479	31.410.035.385
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	9.186.986.519	9.186.986.519
Tăng khác	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	(4.411.293.000)	(4.411.293.000)
Phân phối cho các quỹ	-	-	(2.090.712.705)	(2.090.712.705)
Giảm khác	-	-	(990.542.652)	(990.542.652)
Số dư ngày 31/12/2013	29.408.620.000	1.301.219.906	2.394.633.641	33.104.473.547

11.2 . Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn góp của Nhà nước	19.908.620.000	19.908.620.000
Vốn góp của đối tượng khác	9.500.000.000	9.500.000.000
Tổng cộng	29.408.620.000	29.408.620.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

11.3 . Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.408.620.000	29.408.620.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.411.293.000	4.411.293.000

11.4 . Cổ tức

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	4.411.293.000	4.411.293.000

11.5 . Cổ phiếu

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:		
- Cổ phiếu phổ thông	2.940.862	2.940.862
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP		

11.5 . Các Quỹ của Doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2013
Quỹ đầu tư phát triển	-	418.142.541	-	418.142.541
Quỹ dự phòng tài chính	1.014.729.939	418.142.541	-	1.432.872.480
Tổng cộng	1.014.729.939	836.285.082	-	1.851.015.021

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển của Doanh nghiệp được trích lập bằng 5% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Nghị Quyết 574/NQ-HDDQT244 của HĐQT ngày 28/12/2013 để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính của Doanh nghiệp được trích lập 5% phần lợi nhuận sau thuế thu nhập Doanh nghiệp theo Nghị Quyết số 574/NQ-HDDQT244 của HĐQT ngày 28/12/2013 được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	329.729.275.672	300.465.580.043
Doanh thu bổ sung năm 2012 theo kết luận của kiểm toán NN	-	644.712.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, ki ốt và mặt bằng	1.832.181.816	1.757.136.364
Tổng cộng	331.561.457.488	302.867.429.083

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giảm giá hàng bán (giảm giá trị quyết toán công trình)	1.380.573.366	299.565.398
Tổng cộng	1.380.573.366	299.565.398

14. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	312.027.416.566	283.166.135.394
Giá vốn bổ sung năm 2012 theo kết luận của kiểm toán Nhà nước	-	611.413.560
Tổng cộng	312.027.416.566	283.777.548.954

15. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	122.259.920	167.424.813
Tổng cộng	122.259.920	167.424.813

16. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	42.458.958	161.400.279
Tổng cộng	42.458.958	161.400.279

17. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	330.511.496.168	302.963.921.838
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	319.989.036.541	292.746.015.751
Doanh thu không chịu thuế	-	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Các khoản chi phí không được trừ	12.500.000	933.722.602
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	632.174.800	-
<i>-Giảm tiền thuê đất quốc phòng theo số 207/CKT-TC về việc thu và miễn, giảm tiền thuê đất quốc phòng của Công ty CP năm 2011 và 2012 ngày 08/03/2013</i>	632.174.800	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	11.167.134.427	11.151.628.689
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (25%)	2.791.783.606	2.787.907.173
Giảm số thuế TNDN phải nộp của năm 2012 do QTTTNDN 2012 được miễn giảm 30% theo NQ29/2012/QH13 và TT140/2012/TT-BTC	824.135.698	-
Tổng cộng:	1.967.647.908	2.787.907.173

18 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	223.539.188.362	212.713.939.826
Chi phí nhân công	67.806.038.466	54.133.261.356
Chi phí máy thi công	9.112.968.018	6.642.964.467
Chi phí chung	11.569.221.720	10.287.383.305
Tổng cộng	312.027.416.566	283.777.548.954

19 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.554.811.719	7.429.998.914
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>- Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>- Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.940.862	2.940.862
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.909	2.526

20 . Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.7 và V.10, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.802.380	28.077.251.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.713.171.987	72.723.677.446
Tổng cộng	107.426.974.367	100.800.929.153

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ nợ tài chính		
Các khoản vay	3.500.000.000	12.717.777.324
Phải trả người bán và phải trả khác	78.366.711.570	73.929.574.906
Tổng cộng	81.866.711.570	86.647.352.230

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá: Trong năm, công ty không phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm có mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải

31/12/2013

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	78.366.711.570	-	78.366.711.570
Các khoản vay	3.500.000.000	-	3.500.000.000

01/01/2013

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	73.929.574.906	-	73.929.574.906
Các khoản vay	8.500.000.000	4.217.777.324	12.717.777.324

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng tính sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.802.380	-	22.713.802.380
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.713.171.987	-	84.713.171.987

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)***01/01/2013**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.077.251.707	-	28.077.251.707
Phải thu khách hàng và phải thu khác	72.723.677.446	-	72.723.677.446

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.390.519.855	1.386.010.779
Tổng cộng	1.390.519.855	1.386.010.779

2 . Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản phải trả		9.470.307.847	5.919.892.109
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng không ACC	<i>Công ty mẹ</i>	9.470.307.847	5.919.892.109
Các khoản vay		-	4.217.777.324
Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình Hàng không ACC	<i>Công ty mẹ</i>	-	4.217.777.324

3 . Những thông tin khác**3.1 . Phải thu của khách hàng**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cục Hải quan tỉnh Lào Cai	9.020.660.672	-
Trại giam số 5 - Tổng cục VIII - Bộ Công an	8.799.935.410	7.001.945.668
Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Lào Cai	4.694.562.740	4.578.903.781
Công an Lào Cai	1.890.297.936	890.297.936
Công ty CP Tập đoàn Hà Đô	-	589.443.085
Trại giam Cao Lãnh - Tổng cục VIII - Bộ Công an	5.525.542.826	-
Dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hưng Yên	1.864.132.463	2.822.359.000
Sư đoàn 365	111.147.128	2.772.922.000
Kho K602 - TC. CNQP	1.213.786.684	915.382.608
Nhà máy Z113	1.156.874.664	213.673.000
Nhà máy Z183	2.077.419.827	-
Đài THPT Lào Cai	2.293.302.705	5.901.176.529
Sư đoàn 361	1.265.862.621	908.071.765
Nhà máy Z111	4.465.564.921	2.787.128.613
Nhà máy Z176	3.501.382.730	3.501.382.730

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Đoàn an điều dưỡng 298/TCCNQP	2.274.759.105	3.686.780.629
Văn phòng tỉnh ủy tỉnh Lào Cai	2.580.717.880	3.951.669.986
Nhà máy Z195	284.237.000	1.666.733.928
Nhà máy Z199	587.968.000	587.968.000
Sư đoàn 371	905.701.709	1.313.508.280
Ban Quản lý Dự án 3 khu gia đình Quân chủng PKKQ	11.703.317.775	4.650.461.974
Trường Cao đẳng CNQP	12.660.000	1.068.701.000
Công ty TNHH KĐTH TM Đức Vinh	-	1.878.270.283
Nhà máy A34	4.323.391.000	1.440.162.000
Ban Quản lý Dự án Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai	1.183.343.209	3.866.756.209
Nhà máy Z175	1.441.551.000	710.685.000
Trường Đại học VHNT Quân đội	1.038.347.500	638.138.000
Các đối tượng khác	9.785.221.887	13.882.174.401
Tổng cộng	84.001.689.392	72.224.696.405

3.2 . Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	5.073.625.878	7.695.909.668
Xí nghiệp 41	2.698.841.339	6.311.842.611
Xí nghiệp 42	203.000.000	842.327.165
Xí nghiệp 43	1.072.343.500	145.170.000
Đội 2	1.099.441.039	234.161.344
Đối tượng khác	-	162.408.548
Tổng cộng	5.073.625.878	7.695.909.668

3.3 . Người mua trả tiền trước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bộ Tư lệnh - Quân chủng Phòng không không quân	9.859.099.148	16.465.446.431
Nhà máy A40	3.013.000.000	-
Nhà máy A42	2.895.000.000	-
Ban Quản lý Dự án 186 - BQP	3.319.272.727	-
Bộ tham mưu QCPKKQ	9.275.000.000	-
Trường cao đẳng CNQP	4.100.000.000	-
Học viện Phòng không không quân	-	91.345.724
Phân trại số 2 Trại giam Cao Lãnh - V26 - BCA năm 2009	-	1.558.948.102
Đài PTTH Lào Cai	2.793.043.341	-
Cục kho vận - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật - Bộ Công an	-	2.283.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Lào Cai	5.208.416.347	8.428.451.015
UBND huyện Sapa - Lào Cai	5.353.226.961	1.761.217.115
Sở Nội Vụ tỉnh Lào Cai	1.803.811.620	1.000.000.000
Công an Lào Cai	-	1.000.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2013***(tiếp theo)*

Trường thiếu sinh quân QK5	1.148.183.421	-
Tổng cục II - BQP	4.500.000.000	-
Ban Quản lý Dự án 36D6M1-2/Bộ tư lệnh QCPK-KQ	957.346.673	-
Trung tâm tư vấn KSTK và GSCTXD NNNT Lào Cai	22.953.000	7.719.127.127
Trường Trung cấp kỹ thuật PKKQ	-	12.136.172
Nhà VP DA TTDVTM và KS Vegeport Plaza Lào Cai	-	-
Nhà máy Z183	-	1.110.582.009
Nhà máy Z111	5.085.871.037	-
Nhà máy Z195	636.756.424	-
Đài THPT Lào Cai	2.793.043.341	3.603.465.754
Dự án 367 (Sư đoàn 367)	4.808.085.681	908.091.893
Các đối tượng khác	9.424.241.474	12.270.823.169
Tổng cộng	76.996.351.195	58.212.634.511

3.4 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.981.694.416	3.398.908.269
Chi phí vật liệu quản lý	294.270.775	298.970.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.232.505	110.449.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	735.919.703	746.301.984
Thuế, phí, lệ phí	770.417.312	772.664.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	321.907.132	368.969.120
Chi phí bằng tiền khác	1.692.219.174	3.028.740.232
Tổng cộng	7.906.661.017	8.725.004.380

3.5 . Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, cho thuê tài sản	208.272.727	45.524.199
Kết chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	35.954.500
Thu nhập khác	79.399	147.154.641
Tổng cộng	208.352.126	228.633.340

3.6 . Chi phí khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Nộp phạt theo QĐ của thanh tra thuế	-	71.430.165
Chi phí khác	12.500.000	10.631.973
Tổng cộng	12.500.000	82.062.138

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(tiếp theo)

4 . Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	96,87	95,39
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	3,13	4,61
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng số nguồn vốn	%	82,15	82,02
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	17,85	17,98
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Nợ phải trả)	Lần	1,22	1,22
2.2 Khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,18	1,20
2.3 Khả năng thanh toán nhanh (Tiền hiện có/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,14	0,20
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	3,17	3,37
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	2,58	2,45
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,37	5,67

5 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE)

Người lập biên

Phạm Thị Bích Hạnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vinh

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ACC - 244

Tổng Giám đốc



Phan Duy Linh